

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08/8/2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đình Chung;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thuận và Bà Phạm Thị Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lên – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị N, sinh năm 1983;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn P, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi làm việc: Công ty TNHH Fujikura, đường số X, khu công nghiệp T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- Bị đơn: Anh VThế T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn, Chị Lâm Thị N trình bày:

Chị và Anh V Thế T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi ngày 30/5/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại Thôn P, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vợ chồng chung sống bình thường nhưng hai năm trở lại đây anh T thường xuyên uống

rượu, hay gây gổ, ghen tuông vô cớ rồi đánh đập chị rất Nều lần, làm tổn thương sức khỏe và tinh thần của chị. Chị và anh T không còn sống chung từ tháng 3/2021 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh Vũ Thế T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Vũ Lâm Bảo N, sinh ngày 07/9/2006. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, chị N đồng ý giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng nếu cháu N đồng ý ở với anh T.

Về tài sản chung, nợ chung: chị N xác định không có.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 01/7/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn Anh Vũ Thế T trình bày:

Anh thống nhất về thời gian, địa điểm kết hôn như chị N trình bày. Trong quá trình chung sống, anh có nỗi buồn của riêng anh nhưng không có chia sẻ được với vợ nên Nhiều lúc anh có uống rượu về la hét tiếng lớn, có lúc cũng có đánh chị N vài lần, làm sút mẻ tình cảm vợ chồng. chị N bỏ đi Nều lần rồi cũng quay về sống với anh nhưng lần này chị N bỏ đi cho đến nay hơn 9 tháng, không chịu về sống với anh nữa. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh còn thương vợ con, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Lâm Bảo N, sinh ngày 07/9/2006, cháu bị tật nên chỉ ở nhà. Từ khi chị N bỏ đi, cháu N ở với anh. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh T xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 266, 267, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Lâm Thị N được ly hôn Anh Vũ Thế T.

Về con chung: Giao cháu Vũ Lâm Bảo N, sinh ngày 07/9/2006 cho Anh Vũ Thế T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị N và Anh Vũ Thế T có tình cảm, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30/5/2006 tại UBND thị trấn T, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên chị N nhiều lần bỏ nhà đi. Mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Anh, chị đã sống ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm, chia sẻ về trách nhiệm giữa vợ chồng. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho Chị Lâm Thị N được ly hôn Anh Vũ Thế T.

[2] Về con chung: Giữa chị N và anh T có 01 con chung là Vũ Lâm Bảo N, sinh ngày 07/9/2006. chị N và anh T đều yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu N đang ở với anh T. Trong thời gian trước đây, chị N bỏ nhà đi, cháu N do anh T nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Cháu N cũng có nguyện vọng xin được ở với ba. Tại phiên tòa, chị N đồng ý giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh T là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu N. anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Chị Lâm Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 267, khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Lâm Thị N được ly hôn Anh Vũ Thế T.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Lâm Bảo N, sinh ngày 07/9/2006 cho Anh Vũ Thế T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh Vũ Thế T không yêu cầu Chị Lâm Thị N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

Chị Lâm Thị N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lâm Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (về ly hôn) 300.000đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002639, ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (08/8/2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Đình Chung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thuận Phạm Thị Kim Oanh

Võ Đình Chung

Chị Phú, anh Sanh và Ngân hàng đều xác định có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 50.000.000đồng, hiện nay số tiền nợ gốc còn lại 38.000.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày . Anh, chị cũng thống nhất còn nợ tiền mua thiết bị đồ điện của chị Nguyễn Thị Hương số tiền là 46.985.000 đồng

Buộc chị Phú

Anh Thắng, chị Nguyệt xác định không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba.

.....

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Nguyệt phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000đồng .

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát ở trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 244, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Nguyệt được ly hôn anh Nguyễn Văn Thắng.

2. *Về con chung*: Anh Thắng, chị Nguyệt xác định không có con chung.

3. *Về tài sản chung*: Anh Thắng, chị Nguyệt xác định anh, chị không có tài sản chung.

4. *Về nghĩa vụ tài sản*: Anh Thắng, chị Nguyệt xác định anh, chị không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Nguyệt có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước nhưng chị được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000381, ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Ngọc Thanh Phạm Thị Kim Oanh

Lê Quang Toại

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Toại

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thuận Huỳnh Thị Hồng

Lê Quang Toại

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Viết Tiến

